

Chương 3. VĂN HỌC ÁNH SÁNG PHÁP

I. Nước Pháp thế kỷ XVIII

Thế kỷ XVIII, xã hội Pháp tồn tại ba đẳng cấp: *tầng lữ* là đẳng cấp thứ nhất, *quý tộc* là đẳng cấp thứ hai và *đẳng cấp thứ ba*, chiếm đại đa số trong nhân dân, bao gồm các tầng lớp còn lại như tư sản, nông dân, công nhân, thương nhân, dân nghèo thành thị...trong đó các đẳng cấp quan hệ với nhau theo kiểu: “*tầng lữ phục vụ nhà vua bằng những lời cầu nguyện, quý tộc bằng lưỡi kiếm, đẳng cấp thứ ba bằng của cải*”. Hai đẳng cấp có đặc quyền đặc lợi là tầng lữ và quý tộc, bọn chúng ra sức áp bức, bóc lột đẳng cấp thứ ba trên cả hai phương diện kinh tế lẫn chính trị. Mâu thuẫn giữa tầng lữ, quý tộc với những người thuộc đẳng cấp thứ ba ngày càng trở nên gay gắt, quyết liệt, hình thành trong lòng xã hội hai trận tuyến: trận tuyến phong kiến bao gồm nhà vua, tầng lữ, quý tộc; trận tuyến chống phong kiến gồm những người thuộc đẳng cấp thứ ba. Đến cuối thế kỷ XVIII, cùng với sự phát triển của công thương nghiệp, giai cấp tư sản ngày một lớn mạnh, trở thành những người *đại diện quyền lợi của đẳng cấp thứ ba*, đứng lên phát động cuộc cách mạng Tư sản và thắng lợi của nó năm 1789 đã lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế từng thống trị ở Pháp nhiều thế kỷ. Mọi tàn dư phong kiến bị thủ tiêu, giai cấp tư sản giờ đây trở thành giai cấp lãnh đạo. Cách mạng tư sản Pháp còn mở ra thời kỳ thắng lợi của chủ nghĩa tư bản, đồng thời thức tỉnh những lực lượng dân chủ và tiến bộ trên thế giới đứng lên chống chế độ phong kiến chuyên chế, chống chủ nghĩa thực dân. Trước những ý nghĩa lịch sử lớn lao ấy của cách mạng tư sản Pháp 1789, thế kỷ XVIII được coi: “*chủ yếu là thế kỷ Pháp*”(Engels).

II. Đời sống văn học

Những biến đổi lớn lao về mặt chính trị, xã hội đã kéo theo những thay đổi trong văn học Pháp thế kỷ XVIII hay còn được gọi là văn học Ánh sáng Pháp. Tính chất chuẩn mực, cân đối, hài hoà của chủ nghĩa cổ điển trong văn học Pháp thế kỷ XVII đã được thay thế bằng không khí sôi nổi của những cuộc đấu tranh chống lại chế độ phong kiến, chống lại nhà thờ và tôn giáo, ca ngợi quyền tự do, bình đẳng cho người dân...Văn học Ánh sáng Pháp được đánh dấu bởi tên tuổi những nhà văn-nhà triết học nổi tiếng như : Motesquieu, Voltàire, Diderot, J.J.Rousseau...

1. Diễn biến của văn học Ánh sáng Pháp thế kỷ XVIII

Văn học Ánh sáng Pháp trải qua ba giai đoạn phát triển khác nhau:

-1700-1750: trong 15 năm đầu (1700-1715) của giai đoạn này, trên văn đàn, cuộc đấu tranh giữa Cựu phái và Tân phái vẫn tiếp diễn. Cựu phái chủ trương tuân theo văn học cổ điển, Tân phái chủ trương văn học phải phù hợp

với cuộc sống thường nhật, phê phán lối văn chương khuôn phép theo mô hình cổ điển, nội dung các tác phẩm đã chú ý đề cập đến đời sống của đẳng cấp thứ ba trong xã hội. Có thể coi 15 năm này là thời kỳ đặt nền móng để xây dựng một nền văn học mới. Từ năm 1715 đến năm 1750, trên văn đàn, kịch, thơ phát triển mạnh, khảo luận, những câu chuyện viết bằng thư cũng được chú trọng và đặc biệt là sự lên ngôi của tiểu thuyết. Văn học thời kỳ này thường đề cập đến đời sống của những con người thuộc đẳng cấp thứ ba. Tiêu biểu cho các tác phẩm văn học thời kỳ này có thể kể đến Voltaire với “*Những câu chuyện triết học*”, Montesquier với “*Những lá thư Ba Tư*” ...

-1750-1789: văn học Anh sáng Pháp phát triển phong phú trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Sự ra đời của “*Bách khoa toàn thư*”-một tác phẩm chứa đựng tri thức của toàn nhân loại với các tác giả chính là những nhà văn trong phong trào Anh sáng, đứng đầu là Diderot-văn học Anh sáng Pháp thế kỷ XVIII đã có những đổi mới rõ rệt, tạo tiền đề cho văn học thế kỷ XIX phát triển. Đổi mới quan trọng nhất của văn học thời kỳ này là những quan niệm rất mới về nghệ thuật, đó là cái đẹp thẩm mỹ là sự kết hợp giữa ba yếu tố: cái thật-cái tốt-cái đẹp, trong đó cái thật trong tác phẩm nghệ thuật bắt nguồn từ chính đời sống nhưng không phải là sự sao chép đời sống mà chính là cái thật đã qua quá trình chọn lọc. Ở lĩnh vực sân khấu, chủ trương phá bỏ sự cách biệt giữa thể loại bi kịch và hài kịch được đề cao để từ đó hình thành một thể loại kịch mới là chính kịch (hay còn gọi là kịch drame), thể loại mà ở đó, các yếu tố đối lập như bi-hài, thiện-ác, cao cả-thấp hèn, ánh sáng-bóng tối...được pha trộn.

-1789 đến hết thế kỷ XVIII: là giai đoạn văn học gắn liền với thời kỳ bão táp của cách mạng Tư sản và quá trình củng cố nền cộng hòa Pháp. Trên văn đàn xuất hiện thể loại văn học mới: văn chương báo chí với tác giả chủ yếu là những vị lãnh tụ của cách mạng Tư sản Pháp 1789.

2. Một vài tác gia tiêu biểu

Voltaire (1694-1778)

Voltaire tên thật là Francois Marie Arouet. Ông sinh ngày 21 tháng 11 năm 1694 tại Paris, trong một gia đình tư sản phong lưu. Từ nhỏ, Voltaire đã tỏ ra có năng khiếu về thơ văn. Khi Voltaire trưởng thành, cha muốn ông làm công chức nhưng công việc này không thích hợp với tính ưa tự do của ông. Năm 23 tuổi, vì những bài thơ châm biếm, chế giễu giai cấp quý tộc thống trị, Voltaire bị bắt giam vào ngục Bastille. Sau 11 tháng bị giam giữ, Voltaire được trả tự do. Năm 1718, ông cho diễn vở kịch “*Oedipe*”-một vở kịch có xu hướng chống lại giáo hội, và đã nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt từ phía công chúng. Đến năm 32 tuổi, Voltaire lại bị bắt giam vào ngục Bastille lần thứ hai vì hành vi phỉ báng tôn giáo. Sau hai tuần, Voltaire được thả nhưng với điều kiện phải rời khỏi nước Pháp. Từ 1726 đến 1729, ông

lánh sang Anh quốc. Tại đây, ông có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu khoa học tự nhiên, tình hình chính trị, xã hội, văn học, học hỏi những tư tưởng triết học tiến bộ của Bacon và Locke-hai nhà triết học duy vật nổi tiếng tại Anh quốc thế kỷ XVII. Trở về nước, Voltaire say mê sáng tác và cho ra đời nhiều tác phẩm thơ, kịch (gồm cả bi kịch lẫn hài kịch), truyện triết học... có giá trị.

Tác phẩm “*Những bức thư triết học*” (hay “*Thư gửi từ nước Anh*”) xuất bản năm 1734 tại Pháp với nội dung chống lại chế độ quân chủ hà khắc, độc đoán đã bị cấm, bị đốt và bản thân Voltaire phải lánh đến vùng Lorraine ở biên giới nước Pháp. Tại đây, Voltaire sống trong lâu đài của bà hầu tước Du Chateler, giao du với nhiều nhà bác học và nhà văn có tiếng đương thời. “*Zadig hay số phận*” được ông sáng tác trong thời gian này. Voltaire mong ước có một vị vua anh minh, sáng suốt trị vì đất nước nhưng ông luôn phải thất vọng. Từng làm sử thần (1745), quan ngự thiện (1746) cho vua Louis XV rồi giúp đỡ vua Phổ: Frédérique II nhưng cuối cùng, Voltaire đã từ bỏ chính trường. Năm 1754, ông về Pháp tham gia viết bài cho bộ “*Bách khoa toàn thư*”. Cuộc chiến tranh Bảy năm (1756-1763) giữa nhà nước phong kiến Pháp với Anh, Phổ là cơ hội cho bọn phản động công kích các nhà triết học. Bộ “*Bách khoa toàn thư*” bị cấm lưu hành ở Pháp. Trước tình thế đó, Voltaire chọn cho mình một mảnh đất giữa Pháp và biên giới Thụy Sĩ để tránh mọi rắc rối và ông sống tại đây cho đến cuối đời.

Voltaire là nhà văn đại diện cho giai cấp tư sản đang lên đấu tranh chống lại chế độ quân chủ độc đoán, hà khắc cùng triều đình phong kiến mục nát, thối ruỗng và bọn tăng lữ, quý tộc, luôn đàn áp, bóc lột nhân dân-những người thuộc đẳng cấp thứ ba-kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Không chỉ đấu tranh bằng ngòi bút, Voltaire còn tham gia đấu tranh bằng những hành động cụ thể như giúp đỡ dân nghèo, can thiệp vào các vụ án tôn giáo vạch mặt bọn tăng lữ cuồng tín, giải oan cho những người vô tội, đấu tranh đòi giải phóng nông nô...

Với một số lượng không nhỏ các tác phẩm văn học giá trị và tinh thần đấu tranh không mệt mỏi, Voltaire xứng đáng là một trong những văn hào tiến bộ nhất ở châu Âu thế kỷ XVIII. Các tác phẩm của ông được đánh giá là “*một cuốn bách khoa từ điển*” về những tư tưởng tiên tiến đương thời. Và thế kỷ XVIII ở châu Âu còn được gọi là “*thế kỷ của Voltaire*”.

Truyện triết học

Năm 52 tuổi, Voltaire mới bắt tay vào viết truyện nhưng những tác phẩm ấy nhanh chóng chiếm một vị trí đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của ông .

Thông qua những câu chuyện về con người, cuộc sống xã hội, Voltàire đã thể hiện trong tác phẩm những tư tưởng của mình về triết học, chính trị và nhiều vấn đề xã hội khác. Với giọng văn trào phúng, chế giễu, lúc nhẹ nhàng, lúc sâu cay, biết bao cảnh giả dối, đen tối của xã hội châu Âu thế kỷ XVIII đã được những câu chuyện triết học của Voltàire phản ánh một cách chân thực. Truyện triết học của Voltàire áp dụng cách miêu tả nhân vật theo phương pháp mô tả nhân vật của trường phái cổ điển chủ nghĩa, nghĩa là ông chỉ nhấn mạnh vào một vài nét đặc biệt nhất trong tính cách của nhân vật (giáo sư Pangloss trong “*Candide*” điển hình cho hạng người có những tư tưởng, nếp suy nghĩ quái lạ; Sermina, Azora trong “*Zadig hay số phận*” điển hình cho loại phụ nữ hay thay lòng đổi dạ...) Tuy nhiên, tính cách nhân vật trong tác phẩm của Voltàire đôi lúc cũng có sự phát triển và thay đổi theo hoàn cảnh (Candide từ một người dễ tin, ngây thơ, luôn lạc quan đã trở thành một nhân vật thực tế hơn sau những trắc trở gặp phải trên đường đời và tìm được niềm vui trong cuộc sống lao động- “*Candide*”). Những khía cạnh trái ngược nhau trong tính cách của cùng một nhân vật cũng được tác giả chú ý khai thác để từ đó làm nổi bật lên bản chất bên trong của nhân vật: trong “*Zadig hay số phận*”, lão giáo trưởng đạo Ả-rập tuy có vẻ rất đạo mạo nhưng khi đứng trước nhan sắc tuyệt trần của Anmona thì “*mắt ông long lên, môi ông lấp bắp*” và “*tưởng mình như đang tuổi hai mươi*” hay cô nàng Azora-dù bề ngoài luôn tỏ ra mình là người có đạo đức-sẵn sàng cắt mũi người chồng vừa mới chôn để chữa bệnh cho tình nhân mới...

-Những tư tưởng tiến bộ của Voltàire :

Thông qua truyện triết học, Voltàire đề cao vai trò của lao động trong cuộc sống (Candide đã tìm được niềm vui, tìm được ý nghĩa của sự sống trong lao động), kêu gọi con người hãy sống gần gũi với thiên nhiên, ca ngợi lòng dũng cảm, nhân ái của con người (Zadig), tin tưởng vào khoa học, vào sự tiến bộ của nhân loại, kiên quyết bài trừ những luật lệ vô lý, những hủ tục khắc nghiệt kìm hãm sự phát triển của xã hội.

Tác phẩm của Voltàire còn chứa đựng tính nhân đạo sâu sắc. Mỗi câu chuyện của ông đều là những đòn chí mạng đánh vào chủ nghĩa cuồng tín, chủ nghĩa ngu dân, đánh vào những thế lực đàn áp, bóc lột con người. Nếu như sáng tác “*Candide*” Voltàire nhằm mục đích chống lại “*chủ nghĩa lạc quan*” của Leibniz cùng quan niệm tất cả mọi thứ đều hoàn hảo và thế giới này là thế giới tốt đẹp nhất thì ở “*Zadig hay số phận*”, Voltàire thể hiện mơ ước của ông về một chế độ xã hội công bằng, bình đẳng, về một vị vua nhân ái, tài ba. Tuy nhiên, xét dưới điều kiện xã hội ông đang sống - một xã hội mà con người không tự quyết định được số phận của mình- thì rõ ràng, Voltàire đã rơi vào ảo tưởng.

Voltaire luôn gắn liền tư tưởng và hình tượng. Theo ông, tư tưởng “*chỉ là kết quả của tất cả những vật mà tôi tri giác được*”. Vì vậy, những tư tưởng được trình bày trong truyện của ông luôn cụ thể và sinh động bởi đó là những tư tưởng triết học luôn được nảy sinh từ sự quan sát cuộc sống hàng ngày. Cũng vì lẽ đó, truyện của Voltaire tuy luôn mang ý nghĩa, những giá trị triết học lớn lao, sâu sắc nhưng không vì thế mà trở nên trừu tượng, khó hiểu, trái lại, tác phẩm của ông rất gần gũi và được nhiều người yêu thích.

Jean Jacques Rousseau (1712-1778)

Jean Jacques Rousseau được biết đến với tư cách một nhà văn, một nhà luân lý học, một nhà triết học nổi tiếng trong trào lưu văn học Anh sáng thế kỷ XVIII ở Pháp. Rousseau sinh tại Genève. Thời niên thiếu, Rousseau phải chịu nhiều cay đắng, bất hạnh, từ nhỏ đã không được sống trong sự chăm sóc của cha mẹ, không được học hành đầy đủ, sớm phải bước vào cuộc sống bươn chải, cực nhọc. Chính điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến những sáng tác của ông sau này. Từ 1728 đến 1740, Rousseau lang thang, phiêu bạt nhiều nơi, làm đủ thứ nghề để kiếm sống, sau được bà De Warens ở Charmettes giúp đỡ. Trong thời gian ở Charmettes, Rousseau sống gần gũi với thiên nhiên và giành nhiều thời gian để tự học, tự nghiên cứu. Năm 29 tuổi (1741), Rousseau đến Paris, bắt đầu làm quen và sinh hoạt trong giới thượng lưu Pháp. Năm 1746, ông lập gia đình với một cô gái nghèo làm nghề giặt giũ ở quán trọ. Năm 1749, nhận một cuộc thi của viện Hàn lâm với đề tài: “*Sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật góp phần làm cho phong tục thuần khiết hay suy đồi?*”, Rousseau gửi tác phẩm “*Luận về khoa học và nghệ thuật*” để dự thi, trong đó ông đưa ra những luận điểm phủ nhận vai trò của khoa học và nghệ thuật. Tác phẩm thể hiện tinh thần phê phán nghiêm khắc xã hội quý tộc, nhưng đôi lúc, Rousseau đã nhầm lẫn giữa *những nét quý tộc của văn hóa* với *chính bản thân văn hóa*. Ông đã tập trung ca ngợi những dân tộc quê mùa, thậm chí còn trong tình trạng man rợ. Có thể nói, tâm trạng mà Rousseau thể hiện qua tác phẩm là tâm trạng của giai cấp tiểu tư sản bị đè nén, áp bức, luôn lo sợ giai cấp tư sản phát triển mạnh mẽ sẽ dồn giai cấp mình vào tình trạng phá sản nên tìm cách trốn chạy trong quá khứ. Tuy nhiên, chính tác phẩm này đã mở đường cho Rousseau đến với văn học. Tiếp đó, Rousseau cho ra mắt hàng loạt tác phẩm giá trị: vở nhạc kịch “*Thầy bói nông thôn*” (1752), “*Luận về nguồn gốc và những cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người*” (1755). Luận điểm chính của ông trong các tác phẩm là: con người bẩm sinh là tốt đẹp, cuộc sống con người vốn sung sướng và tự do nhưng chính xã hội đã đem con người vào tai họa. Rousseau chứng minh nguồn gốc của sự bất bình đẳng là chế độ tư hữu tài sản và chế độ phong kiến, cụ thể hơn, sự xuất hiện quyền sở hữu về đất chính là nguyên

nhân sâu xa dẫn đến sự bất bình đẳng trong xã hội, dẫn đến mọi áp bức và chiến tranh, “*Thư gửi d’Alembert*”(1758) đưa ra những tác hại của sân khấu lúc bấy giờ, cho rằng những vở kịch diễn trên sân khấu chỉ phản ánh dục vọng và thị hiếu của dân chúng mà thôi. Năm 1761, tiểu thuyết “*Julie hay Nàng Héloïse mới*” ra đời, tác phẩm được coi là sự mở đầu cho phong trào chủ nghĩa tình cảm trong văn học Pháp và rộng hơn là văn học Tây Âu thế kỷ XVIII. Năm 1762, Rousseau sáng tác “*Khế ước xã hội*” và “*Émile hay về giáo dục*”. Chính quyền phong kiến và nhà thờ bắt đầu đàn áp ông. “*Émile hay về giáo dục*” bị thiêu hủy ở Pháp và cả ở Thụy Sĩ, Rousseau bị truy nã, phải rời khỏi Pháp, trốn tránh ở nhiều nơi. Đến năm 1770, ông mới trở về Paris, sống bằng nghề chép nhạc thuê. Năm 1772, Rousseau hoàn thành hồi ký “*Những điều bộc lộ*” và “*Những mơ mộng của một người dạo chơi cô độc*” là tác phẩm cuối cùng trong cuộc đời sáng tác đầy sóng gió của ông.

Émile hay về giáo dục

“*Émile hay về giáo dục*”(1762) là tác phẩm thể hiện rõ những quan điểm về một nền giáo dục lý tưởng của Rousseau. Nội dung tác phẩm đề cập đến việc giáo dục một đứa trẻ từ khi mới ra đời cho đến lúc trưởng thành. Dưới hình thức một thiên “*luận văn-tiểu thuyết*”, Rousseau đã trình bày những quan điểm của ông về một nền giáo dục lý tưởng. Theo quan niệm của Rousseau, con người sinh ra vốn tốt đẹp: “nhân chi sơ, tính bản thiện”, vì vậy, giáo dục một đứa trẻ cốt là để những khả năng, những khuynh hướng bẩm sinh của nó có thể phát triển được. Ông đề cao thuyết “*con người tự nhiên*”, ta có thể thấy điều đó ngay câu mở đầu tác phẩm: “*Tất cả đều hoàn hảo khi từ bàn tay Tạo hóa đi ra, tất cả đều suy thoái trong bàn tay con người*”. Ông còn viết: “*Con người bẩm sinh vui sướng và tốt đẹp, nhưng vì xã hội mà trụy lạc và khổ sở*”. Giáo dục một đứa trẻ không có nghĩa là nhồi nhét vào đầu nó thật nhiều kiến thức mà phải giúp cho đứa trẻ ấy giữ được sự trong sáng thơ ngây vốn có. Cũng theo Rousseau, môi trường tốt nhất để một đứa trẻ phát triển về mọi mặt là vùng nông thôn với cuộc sống điền dã giản dị ở đồng quê và khung cảnh thiên nhiên bao la hùng vĩ.

Như vậy, phương pháp giáo dục trong “*Émile hay về giáo dục*” được Rousseau lựa chọn và coi đó là phương pháp tối ưu là **phương pháp giáo dục mang tính phủ định**. Phương pháp giáo dục của Rousseau không tránh khỏi tính ảo tưởng bởi khi tách đứa trẻ ra khỏi sự phát triển của xã hội, đưa đứa trẻ vào một cuộc sống cách biệt thì về sau, khi trưởng thành, đứa trẻ ấy khó có thể có được sự hòa nhập một cách nhanh chóng vào cuộc sống xã hội. Ngoài ra, việc luôn có một người thầy kèm cặp từ lúc nhỏ đến khi trưởng thành sẽ tạo cho đứa trẻ thói quen ỷ lại và mất đi tính sáng tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt hạn chế trên, phương pháp giáo dục mà

Rousseau đưa ra không phải không có những mặt tích cực, tiến bộ. Đó là chủ trương lý luận phải kết hợp với thực tiễn, học văn hóa kết hợp với lao động... Những chủ trương này đến nay vẫn có giá trị trong giáo dục, đào tạo con người. Đặc biệt, Rousseau thể hiện quan niệm tiến bộ của mình khi ông chủ trương giáo dục con người không có nghĩa là giúp con người có được quyền cao chức trọng mà nhằm giúp họ biết sống và biết lẽ sống

Với văn phong nhẹ nhàng, trong sáng, giàu hình ảnh cùng sự xen lẫn giữa tư duy logic và tư duy hình tượng, tác phẩm đã gây được sự hấp dẫn, lôi cuốn không chỉ đối với người đọc đương thời mà còn đối với công chúng của mọi thời đại.

Julie hay Nàng Héloïse mới

“*Julie hay Nàng Héloïse mới*” là một trong những tác phẩm tiêu biểu của dòng văn học tình cảm chủ nghĩa. Thông qua mối tình éo le giữa Julie và St. Preux, tác giả lên án sự phân chia đẳng cấp trong xã hội, nó chính là nguyên nhân tạo ra những hố ngăn cách tưởng như không thể san bằng giữa giai cấp quý tộc và những người dân nghèo thuộc đẳng cấp thứ ba. Đồng thời, tác phẩm cũng đề cập đến vấn đề giải phóng con người, ca ngợi thứ tình cảm tự nhiên của con người. Rousseau cho rằng “*mỗi người đều có thể tìm thấy lại ở chính mình và tự tạo trong đời mình con người tự nhiên, sống theo thiên tính*”⁽³⁾ nhưng tư tưởng ấy không được hiện thực xã hội chấp nhận. Julie phải lấy người mình không yêu nhưng cùng đẳng cấp để thực hiện nghĩa vụ đối với gia đình dẫu rằng trái tim nàng vẫn thuộc về St. Preux. Đến khi cả ba người: Julie, Volmar-chồng nàng và St. Preux cùng chung sống với nhau, tình yêu với St. Preux trở dậy, Julie cũng không muốn phá bỏ mái ấm gia đình mà mình đang có với ông Volmar. Ở Julie luôn có sự mâu thuẫn, giằng xé giữa một bên là **con người tự nhiên** và một bên là **con người của những nguyên tắc đạo đức phong kiến**. Để giải quyết những mâu thuẫn ấy theo nguyên tắc giải phóng những tình cảm tự nhiên của con người, Rousseau dự định xây dựng một cuộc sống hòa hợp giữa cả ba người: Julie, Volmar và St. Preux nhưng cuối cùng, ông phải để cho nhân vật Julie chết đi và đó mới chính là cách giải quyết mọi mâu thuẫn triệt để nhất. Phía sau mối tình đẹp nhưng tuyệt vọng giữa đôi tình nhân không cùng đẳng cấp ấy chính là khao khát tự do của con người và tình yêu là nhân tố được dùng để phá vỡ ranh giới đẳng cấp, phá vỡ những lễ giáo phong kiến đang ràng buộc con người. Julie và St. Preux là những đại diện cho kiểu con người mới muốn vươn lên thay đổi những chuẩn mực mang tính khuôn phép của xã hội cũ để đến với những chuẩn mực mang tính nhân bản hơn.

(1) J.J Rousseau, *Julie* (bản dịch của Hướng Minh), Nxb Văn học, 1981, tập 1, tr.17.

“*Julie hay Nàng Héloise mới*” là cuốn tiểu thuyết tình cảm gây được xúc động mãnh liệt trong người đọc, cộng thêm với những bức tranh mô tả phong cảnh thiên nhiên giản dị nhưng tươi đẹp, trong sáng, tác phẩm trữ tình này đã gây được tiếng vang lớn lúc bấy giờ và được coi là tác phẩm mở đường cho trào lưu văn học tình cảm chủ nghĩa cuối thế kỷ XVIII, đồng thời “*Julie hay Nàng Héloise mới*” còn đem lại những ảnh hưởng nhất định đến sự ra đời và phát triển của dòng văn học lãng mạn nửa đầu thế kỷ XIX.

Tailieu.vn

Chương 4. VĂN HỌC ÁNH SÁNG ĐỨC

I. Đặc điểm xã hội và văn học nước Đức thế kỷ XVIII

Thế kỷ XVIII, bao trùm khắp nước Đức vẫn là hình thức phong kiến cát cứ với hơn 300 công quốc lớn nhỏ khác nhau. Tình trạng đất nước bị chia cắt kéo theo sự trì trệ về kinh tế, xã hội lạc hậu. Tầng lớp đông đảo nhất ở Đức thế kỷ XVIII là nông dân, chiếm 70% dân số. Giai cấp tư sản Đức chưa đủ mạnh để đứng lên phát động cuộc cách mạng tư sản như ở Anh và Pháp. Tuy nhiên, thế kỷ XVIII lại là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của văn học Đức với tên tuổi những nhà văn, nhà thơ tiêu biểu của văn học Ánh sáng như: Johann Christoph Gottsched, Gotthold Ephraim Lessing (kịch), Friedrich Gottfried Klopstock (thơ), Martin Wieland (tiểu thuyết)... Đặc biệt, nửa cuối thế kỷ XVIII (1770-1785), ở Đức xuất hiện trào lưu văn học “**Bão táp và Xung kích**”- phản ánh những khuynh hướng tư tưởng tiến bộ của đẳng cấp thứ ba. Các tác phẩm thuộc trào lưu văn học này tập trung ca ngợi thiên nhiên và cuộc sống bình yên của người lao động nơi thôn dã, ca ngợi tình bạn, tình yêu và tự do cá nhân, đấu tranh chống lại chế độ phong kiến, phê phán lối sống xa hoa, đồi trụy của vua chúa và địa chủ. Văn học “**Bão táp và Xung kích**” không tuyệt đối tuân theo những nguyên tắc mỹ học truyền thống mà đề cao sự sáng tạo của cá nhân. Các tác giả quan niệm: “Quy tắc chỉ là cái nặng, chỉ có ích cho kẻ què quặt, nhưng là trở ngại cho người lành lặn”. Những nhà văn, nhà thơ tiêu biểu của trào lưu văn học này: Klinger, Lenz, Goethe, Schiller, Herder

II. Johann Wolfgang Goethe (1749-1832)-người Đức vĩ đại nhất

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

Johann Wolfgang Goethe sinh tại thành phố Frankfurt năm 1749 và mất năm 1832 tại Weimar. Goethe sinh ra trong một gia đình thuộc dòng dõi quý tộc có học vấn cao. Thuở nhỏ, Goethe học tại Frankfurt-thành phố quê nhà, khi lớn lên, theo học luật tại Leipzig (1765) nhưng do yêu thích văn chương nên học thêm văn học và hội họa đồng thời cũng bắt đầu sáng tác. Năm 1770, Goethe tiếp tục học luật tại Strassburg và tốt nghiệp ngành luật một năm sau đó. Trong thời gian học tập tại Strassburg, Goethe đã được gặp gỡ và tiếp xúc với Herder-nhà lý luận văn học nổi tiếng của Đức lúc bấy giờ-và các văn nghệ sỹ thuộc phong trào “**Bão táp và Xung kích**”. Herder đã có ảnh hưởng nhất định đến Goethe, ông đã khơi gợi lòng ham thích dân ca, giúp Goethe hướng về nghệ thuật dân tộc Đức, thoát khỏi những ảnh hưởng của tính mẫu mực trong nền văn học cổ điển Pháp, hướng về tình cảm nhiều hơn lý trí, tìm về với thiên nhiên. Cũng trong thời gian này, Goethe yêu Friedericke Brion-con gái một vị mục sư ở Sesenheim thuộc

ngoại thành thành phố Strassburg. Chính mối tình lãng mạn này đã tạo nguồn cảm hứng cho Goethe sáng tác “*Chùm thơ Sesenheim*” trong đó có nhiều bài thơ nổi tiếng như: “*Đón chào và tạm biệt*”, “*Bài ca tháng năm*”, “*Hoa hồng trên đồng nội*”... Những tác phẩm này không chỉ thuần túy thể hiện tâm trạng của một chàng trai khi yêu với sự nhớ mong, đau khổ, hạnh phúc... mà còn thể hiện tinh thần sôi sục của phong trào “*Bão táp và Xung kích*”.

Năm 1772, Goethe đến thực tập tại toà án tối cao thành phố Wetzlar và đã yêu Charlotte Buff nhưng nàng lại là vợ chưa cưới của một người bạn. Thất vọng, đau khổ, Goethe rời Wetzlar trở về thành phố quê hương Frankfurt. Năm 1774, ông gửi gắm tâm trạng này của mình trong tiểu thuyết thơ tình nổi tiếng: “*Nỗi đau của chàng Werther*”. Tác phẩm này có thể coi là một dạng nhật ký của tác giả.

Cuốn tiểu thuyết xoay quanh ba nhân vật: Werther, Lotte và Anbe. Werther yêu Lotte nhưng cô lại kết hôn với Anbe - một người bạn thân của chàng. Đau khổ, tuyệt vọng, Werther đã tự tử. Thông qua mối tình tay ba giữa Werther, Lotte và Anbe, Goethe muốn đề cập đến một vấn đề rộng hơn, mang tính xã hội. Sống trong một xã hội mà thế lực thống trị là bọn quý tộc cai trị xã hội trên “*tinh thần phân biệt đối xử ghê gớm*”⁽⁴⁾ khiến người dân chịu nhiều bất công, đau khổ, Werther mơ ước có “*đôi cánh chim hạc để bay qua cái biển cả mà con người không bao giờ đo được, để được chạm môi vào cái cốc sôi bọt của cái thế giới bất tận của cuộc sống làm say đắm lòng người và nở rạn trái tim*”⁽⁵⁾. Đó cũng là mơ ước được giải phóng con người, giải phóng cá nhân, để con người được “*tự do suy nghĩ, tự do sáng tạo, tự do trong quan hệ giữa người và người theo tinh thần bình đẳng, nhân ái, coi trọng và thương yêu người lao động cùng khổ ở dưới đáy xã hội*”⁽²⁾. Tâm trạng của Werther cũng chính là tâm trạng của thế hệ trẻ - lớp người tiên tiến của giai cấp tư sản Đức lúc bấy giờ: tâm trạng thức tỉnh để hướng về sự tự do, bình đẳng, hướng về quyền được làm chủ của con người. Đối lập với họ là chế độ phong kiến bảo thủ, trì trệ, lạc hậu. Tác phẩm còn thể hiện tình yêu thiên nhiên, lòng khao khát trở về với tự nhiên và những ước vọng tốt đẹp của con người mà xã hội phong kiến cùng nhà thờ và giáo hội với những nguyên tắc, luật lệ khắc nghiệt đã kìm hãm.

Năm 1775, Goethe tới Weimar theo lời mời của công tước Karl August, tại đây, ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ như Giám đốc ngành khai thác mỏ, Giám đốc ngành xây dựng cầu đường, Bộ trưởng chiến tranh,

(1) Hoàng Trinh, *Lời giới thiệu “Những nỗi đau của chàng Werther”*, J.W. Goethe, Nxb Văn học, H., 1982, tr.6.

(1)(2) Hoàng Trinh, *Lời giới thiệu “Những nỗi đau của chàng Werther”*, J.W. Goethe, Nxb Văn học, H., 1982, tr.6.